

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5614/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA BỘ Y TẾ NĂM 2016

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục công nghệ thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của Bộ Y tế năm 2016.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Kế hoạch được phê duyệt tại Quyết định này, các đơn vị có trách nhiệm xây dựng, triển khai các dự án, nhiệm vụ ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin theo đúng quy định.

2. Vụ Kế hoạch – Tài chính có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Bộ Y tế xem xét đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch – Đầu tư cân đối, bố trí ngân sách để thực hiện các dự án, nhiệm vụ theo Kế hoạch này và hướng dẫn các đơn vị thực hiện thuê dịch vụ công nghệ thông tin theo quy định.

3. Cục Công nghệ thông tin là đơn vị đầu mối trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch, có trách nhiệm tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá, báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch; đề xuất việc điều chỉnh các nội dung của Kế hoạch (nếu cần).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Ông/Bà: Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như trên điều 4;
- Ủy ban Quốc gia về ứng dụng CNTT (để b/c);
- Bộ trưởng Bộ Y tế (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế (để đăng);
- Lưu: VT, CNTT(3).

Lê Quang Cường

KẾ HOẠCH

ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA BỘ Y TẾ NĂM 2016
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5614/QĐ-BYT ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Luật Bảo hiểm Y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 06 năm 2014;

Nghị định số 64/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 2 năm 2007 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Nghị quyết số 36-a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2014 quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;

Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng, phát triển các hệ thống thông tin phục vụ trực tiếp người dân, doanh nghiệp, công tác chỉ đạo, điều hành tại cơ quan Bộ Y tế và các đơn vị trực thuộc, đáp ứng yêu cầu tăng cường, nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và chất lượng các dịch vụ y tế, phục vụ tốt người dân và doanh nghiệp, đảm bảo tính tích hợp hệ thống.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước.

- Triển khai hệ thống quản lý văn bản điện tử đến tất cả các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế, các Sở Y tế, cơ quan quản lý y tế các ngành và kết nối liên thông với Văn phòng Chính phủ, cụ thể:

+ 100% văn bản không mật trình Chính phủ dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản trình song song cùng văn bản giấy).

+ 100% các văn bản không mật gửi cho các đơn vị thuộc/trực thuộc Bộ, Sở Y tế, Y tế các ngành dưới dạng điện tử (chỉ sử dụng gửi song song cả văn bản giấy đối với một số loại văn bản được quy định).

- Có 100% cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ Y tế sử dụng thư điện tử của Bộ trong công việc.

- Công tác chỉ đạo, điều hành các lĩnh vực quản lý hành chính quan trọng như quản lý cán bộ, đảng viên, tài chính – kế toán,... tại Bộ Y tế và các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ được thực hiện trên môi trường điện tử.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Phần đầu xây dựng tất cả các dịch vụ công tại Bộ Y tế đạt trực tuyến mức độ 3 trở lên, trong đó có ít nhất 10% đạt mức độ 4;

- Xây dựng hệ thống Hải quan một cửa Bộ Y tế, kết nối Hải quan một cửa quốc gia theo đúng kế hoạch của Chính phủ.

- Bộ Y tế và 100% các đơn vị trực thuộc Bộ có cổng/trang thông tin điện tử cung cấp, cập nhật đầy đủ thông tin theo quy định.

- Có 80% bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có hệ thống xếp hàng tự động.

c) Các ứng dụng công nghệ thông tin chuyên ngành.

- Có 100% bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có hệ thống thông tin quản lý bệnh viện (HIS), trong đó 30% bệnh viện tích hợp hệ thống quản lý xét nghiệm (LIS) với hệ thống HIS.

- Có 100% bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế kết xuất được thông tin khám chữa bệnh bảo hiểm y tế theo yêu cầu đầu ra do Bộ Y tế ban hành và kết nối liên thông dữ liệu phục vụ công tác giám định với cơ quan Bảo hiểm xã hội.

- Có 50% đơn vị trực thuộc Bộ xây dựng hệ thống thông tin tích hợp phục vụ công tác quản lý, điều hành và chuyên môn chủ yếu của đơn vị.

- Các bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế và các bệnh viện trực thuộc các thành phố lớn xây dựng và vận hành hệ thống tư vấn khám, chữa bệnh từ xa, ưu tiên 5 chuyên khoa theo quyết định

số 774/QĐ-BYT ngày 11/3/2013 của Bộ Y tế phê duyệt Đề án bệnh viện vệ tinh giai đoạn 2013 - 2020.

d) Cơ sở hạ tầng thông tin, nhân lực:

- Đảm bảo cơ sở hạ tầng kỹ thuật, tạo nền tảng phát triển y tế điện tử, Chính phủ điện tử.
- Đảm bảo nhân lực duy trì hoạt động liên tục, ổn định, chính xác, an toàn, bảo mật các hệ thống thông tin, các ứng dụng của Bộ Y tế và các hệ thống có quy mô toàn ngành Y tế.
- Có 90% cán bộ, công chức lãnh đạo tại Bộ Y tế được cấp phát chữ ký số chuyên dùng.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Cơ sở hạ tầng thông tin

- Xây dựng cơ sở dữ liệu cho 08 danh mục dùng chung được Bộ Y tế ban hành tại Quyết định số 5084/QĐ-BYT ngày 30/11/2015 làm dữ liệu nền tảng phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực khám chữa bệnh và bảo hiểm y tế.
- Nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin tích hợp dữ liệu phục vụ công tác quản lý điều hành của Bộ Y tế.
- Nâng cấp, phát triển hệ thống mạng nội bộ thống nhất, tốc độ cao, đảm bảo an toàn, an ninh trong toàn cơ quan Bộ Y tế.
- Áp dụng chữ ký số chuyên dùng trong các ứng dụng CNTT đang được sử dụng phục vụ công tác quản lý, điều hành của Bộ Y tế.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan

- Xây dựng kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ Y tế.
- Nâng cấp hệ thống quản lý văn bản điện tử và điều hành của Bộ Y tế, kết nối liên thông với Văn phòng Chính phủ, với tất cả các đơn vị trực thuộc Bộ, các Sở Y tế, y tế các ngành, các Bộ/ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, đảm bảo hoạt động chỉ đạo điều hành của Bộ Y tế được thực hiện trên môi trường điện tử.
- Nâng cấp hệ thống thư điện tử để đảm bảo cung cấp hộp thư điện tử công vụ (@moh.gov.vn) đủ dung lượng, đảm bảo an toàn, an ninh, sử dụng tiện lợi đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan Bộ và đến lãnh đạo, văn thư các đơn vị trực thuộc Bộ.
- Nâng cấp Cổng thông tin điện tử của Bộ, trang/cổng thông tin của các đơn vị trực thuộc Bộ, đảm bảo cung cấp thông tin cập nhật, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, nhu cầu thông tin về công tác quản lý y tế của người dân và doanh nghiệp.

- Xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của Bộ Y tế.
- Nâng cấp và duy trì Hệ thống thông tin quản lý dữ liệu hoạt động các đối tác phát triển và tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực y tế.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Xây dựng cổng dịch vụ công trực tuyến một cửa của Bộ Y tế để cung cấp dịch vụ công trực tuyến tập trung, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.
- Xây dựng và duy trì các dịch vụ công trực tuyến của Bộ Y tế, tất cả các dịch vụ công tại Bộ Y tế đạt trực tuyến mức độ 3 trở lên; ưu tiên các dịch vụ liên quan nhiều đến đời sống người dân, hoạt động của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, dịch vụ có số lượng hồ sơ tiếp nhận và xử lý lớn; xây dựng hệ thống và hướng dẫn thực hiện qua mạng điện tử trên toàn quốc đối với việc cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, cấp phép hoạt động cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, đăng ký lưu hành và đăng ký giá thuốc qua mạng điện tử; sẵn sàng tích hợp các dịch vụ công trực tuyến lên Cổng dịch vụ công Quốc gia.
- Xây dựng và phát triển phân hệ Hải quan một cửa của Bộ Y tế tích hợp Hải quan một cửa quốc gia, triển khai rộng rãi tới các đơn vị liên quan.

4. Các ứng dụng công nghệ thông tin chuyên ngành

- Triển khai hệ thống thông tin quản lý khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế qua mạng điện tử.
- Xây dựng hệ thống quản lý bệnh án điện tử.
- Tiếp tục triển khai xây dựng và vận hành hệ thống tư vấn khám, chữa bệnh từ xa tại các bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế và thuộc các thành phố lớn.
- Tiếp tục triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong đề án xây dựng và phát triển mô hình phòng khám bác sĩ gia đình tại Việt Nam giai đoạn 2013-2020.
- Tiếp tục triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong đề án Phát triển y tế biển, đảo Việt Nam đến năm 2020.
- Triển khai lập đề án, dự án, phương án thuê dịch vụ và thực hiện xây dựng một số hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành tại các đơn vị thuộc cơ quan Bộ.

5. Đảm bảo an toàn thông tin

- Triển khai xây dựng hệ thống giám sát mạng và an ninh mạng Bộ Y tế.
- Triển khai xây dựng hệ thống đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống thông tin ngành y tế.

- Ban hành quy chế bảo đảm an toàn thông tin và định kỳ hàng năm kiểm tra, đánh giá về an toàn thông tin của Bộ Y tế.

6. Nguồn nhân lực cho ứng dụng công nghệ thông tin

- Tổ chức tập huấn, đào tạo liên tục, chuyên sâu về ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin.

- Đào tạo, nâng cao năng lực về đảm bảo an toàn thông tin.

IV. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp tài chính

- Huy động các nguồn tài chính khác nhau cho việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, như vốn ngân sách nhà nước, vốn viện trợ nước ngoài, vốn vay cho dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin theo mức độ ưu tiên.

- Tăng cường thu hút tài trợ nước ngoài, huy động tối đa nguồn lực và đầu tư của doanh nghiệp, xã hội cho công tác ứng dụng công nghệ thông tin.

- Huy động các nguồn lực tài chính và kỹ thuật thông qua mô hình hợp tác đối tác công tư (PPP).

- Đẩy mạnh thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

- Hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương cho việc xây dựng và triển khai các dự án / nhiệm vụ đặc thù.

2. Giải pháp triển khai

- Coi trọng thiết kế hệ thống; đảm bảo thiết kế các hệ thống thông tin được thực hiện kỹ lưỡng, theo đúng quy trình, phù hợp với thực tiễn, áp dụng được các công nghệ mới và khả thi, đặc biệt đối với các hệ thống có quy mô triển khai toàn quốc.

- Đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở dữ liệu danh mục / từ điển dùng chung cốt yếu gắn liền với mã định danh, làm nền tảng cho việc trao đổi thông tin, khả năng tích hợp giữa các hệ thống.

- Xây dựng các chuẩn, tiêu chuẩn công nghệ thông tin y tế, chuẩn hoá các quy trình nghiệp vụ, chuyên môn.

- Đề đảm bảo thành công của các dự án, giảm thiểu việc đầu tư trùng lặp và nâng cao hiệu quả đầu tư, các bài toán có quy mô lớn, các ứng dụng có thể sử dụng ở nhiều đơn vị trong ngành sẽ được thực hiện theo mô hình thí điểm - nhân rộng sau khi đã phê duyệt.

- Triển khai xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ Y tế và Kiến trúc Y tế điện tử nhằm xác định bức tranh tổng thể về ứng dụng công nghệ thông tin trong Ngành Y tế làm căn cứ để xây dựng các ứng dụng, cơ sở dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật, nhân lực.

- Cơ quan Bộ Y tế và từng đơn vị trực thuộc Bộ phải xây dựng kiến trúc hệ thống công nghệ thông tin của cơ quan, từ đó xây dựng đề án công nghệ thông tin tổng thể của đơn vị làm căn cứ triển khai các ứng dụng.

- Kết hợp chặt chẽ việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin với công tác cải cách hành chính, trong đó các ứng dụng phục vụ cải cách hành chính được ưu tiên đầu tư, triển khai, nhất là công tác cải cách tại Bộ Y tế để xây dựng nền tảng của nền hành chính y tế điện tử, đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin là giải pháp quan trọng của cải cách hành chính.

- Tham khảo, học tập mô hình tiến tiến, thành công ở các nước trên thế giới, điều chỉnh, áp dụng phù hợp với ngành Y tế Việt Nam.

3. Giải pháp tổ chức

- Phát huy vai trò đơn vị chuyên trách và quản lý công nghệ thông tin của Cục Công nghệ thông tin trong việc tham mưu, thống nhất quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn Ngành. Xây dựng cơ chế đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị thuộc / trực thuộc Bộ với Cục Công nghệ thông tin để đảm bảo khả năng tích hợp giữa các hệ thống thông tin và hiệu quả cao trong việc ứng dụng công nghệ thông tin.

- Thành lập, kiện toàn bộ máy tổ chức chuyên trách công nghệ thông tin y tế các cấp, để có đủ năng lực tổ chức quản lý, triển khai, duy trì hoạt động hệ thống công nghệ thông tin trong phạm vi quản lý hoặc tại đơn vị.

- Giao dự án, nhiệm vụ công nghệ thông tin đến các đơn vị đầu mối có đủ năng lực, chuyên môn để tổ chức triển khai, thực hiện, nhất là đối với các dự án có quy mô toàn ngành, các dự án về hạ tầng thông tin.

- Tuyên truyền nâng cao hiểu biết, nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan Bộ và các cơ sở y tế về vai trò, lợi ích của việc ứng dụng công nghệ thông tin y tế.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại các đơn vị để có những giải pháp thúc đẩy kịp thời; đưa tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin vào đánh giá kết quả hoàn thành công việc của các tổ chức, cá nhân; xây dựng bộ tiêu chí và thực hiện xếp loại ứng dụng công nghệ thông tin cho các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ.

4. Giải pháp môi trường pháp lý

- Ưu tiên xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo môi trường pháp lý cho các hoạt động y tế trên môi trường điện tử, quy định về các điều kiện hoạt động, sử dụng

các ứng dụng cụ thể và việc trao đổi thông tin giữa các hệ thống, đảm bảo an toàn, an ninh, bảo mật thông tin.

- Xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn về công nghệ thông tin y tế; xây dựng, ban hành tiêu chí chung cho các hệ thống, ứng dụng công nghệ thông tin phổ biến, các căn cứ để thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin y tế; đưa chi phí ứng dụng công nghệ thông tin thành một thành tố tính giá dịch vụ y tế.

- Xây dựng văn bản hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của bộ phận công nghệ thông tin tại các đơn vị trong ngành y tế.

5. Các giải pháp khác

- Tăng cường đào tạo kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức; bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ lãnh đạo phụ trách công nghệ thông tin, cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin các cấp.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế về nguồn lực, mô hình, kinh nghiệm ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực y tế.

- Căn cứ vào kế hoạch này, các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương và y tế các ngành xây dựng kế hoạch phù hợp, phát huy được tính chủ động của cơ quan, đơn vị.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Vụ Kế hoạch – Tài chính tổng hợp nhu cầu đầu tư báo cáo Bộ Y tế đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch – Đầu tư bố trí kinh phí để thực hiện các dự án, nhiệm vụ theo Kế hoạch này; Ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án trọng tâm trong giai đoạn 2016 - 2020.

2. Các đơn vị sự nghiệp ưu tiên sử dụng kinh phí từ ngân sách được giao, từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để đầu tư và thuê dịch vụ công nghệ thông tin trên cơ sở sử dụng ngân sách đúng mục đích, hiệu quả.

3. Triển khai thực hiện Quyết định 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ và các chủ trương, chính sách, quy định về thuê dịch vụ công nghệ thông tin; khuyến khích đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) trong ứng dụng công nghệ thông tin.

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ TRỌNG ĐIỂM TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2016
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 5614/QĐ-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu	Thời gian thực hiện	Ghi chú
I	Cơ sở hạ tầng			
1	Xây dựng CSDL danh mục dùng chung phục vụ khám chữa bệnh BHYT.	CSDL danh mục dùng chung đồng bộ, thống nhất làm dữ liệu nền tảng và đảm bảo sự trao đổi dữ liệu phục vụ khám, chữa bệnh kết nối thanh toán BHYT đối với 8 danh mục đã được Bộ Y tế ban hành.	2016	
2	Xây dựng CSDL về hệ thống tổ chức ngành y tế, tích hợp bản đồ địa lý GIS.	Đảm bảo toàn bộ thông tin về hệ thống tổ chức ngành y tế (thông tin hành chính, vị trí địa lý, nguồn nhân lực,...) được tin học hóa phục vụ công tác quản lý, đánh giá, định hướng chỉ đạo của Bộ Y tế và phục vụ công tác tra cứu, tìm kiếm cơ sở y tế, cán bộ y tế gần nhất cho cộng đồng người dân và doanh nghiệp.	2016-2017	
3	Lập dự án xây dựng trung tâm dữ liệu của Bộ Y tế.	Điều tra, khảo sát thực trạng và nhu cầu về hạ tầng CNTT phục vụ cho ứng dụng tại các đơn vị thuộc/trực thuộc Bộ Y tế. Xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi.	2016	
4	Xây dựng cơ sở dữ liệu “Dân số và Phát triển.	Đảm bảo cập nhật thường xuyên các dữ liệu, số liệu về dân số và phát triển phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học, công tác quản lý và điều hành tại Tổng cục.	2016	
5	Lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án xây dựng CSDL Quốc gia về y tế.	Xây dựng hệ thống CSDL chuyên ngành về y tế đảm bảo tính quản lý tập trung, an toàn dữ liệu, đồng thời đáp ứng phục vụ công tác quản lý, nghiên cứu, đào tạo và phòng chống dịch bệnh một cách nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả.	2016	
II	Ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước			
1	Phát triển kiến trúc chính phủ điện tử của Bộ Y tế.	Phát triển kiến trúc tổng thể ngành y tế, làm cơ sở cho việc tối ưu hóa việc triển khai các hệ thống thông tin	2016	

		trong ngành y tế. Đảm bảo kết nối liên thông giữa các hệ thống thông tin trong ngành y tế.		
2	Nâng cấp hệ thống thông tin tích hợp phục vụ công tác điều hành, quản lý ngành y tế của Bộ Y tế.	Xây dựng hệ thống CSDL tích hợp các dữ liệu báo cáo chuyên ngành và các ứng dụng tra cứu, tìm kiếm, đánh giá, phân tích giúp Lãnh đạo Bộ nhanh chóng nắm bắt thông tin và ra quyết định chỉ đạo kịp thời, hiệu quả.	2016-2017	
3	Nâng cấp, hoàn thiện tích hợp chữ ký số vào hệ thống thư điện tử công vụ, hệ thống quản lý và điều hành văn bản điện tử.	- Triển khai đến tất cả các đơn vị trong ngành y tế và kết nối liên thông với VP Chính phủ, các Bộ/ngành, cơ quan ngang Bộ và uỷ ban nhân dân các tỉnh/TP trực thuộc trung ương. - Hệ thống thư điện tử công vụ đảm bảo đủ dung lượng, an toàn, an ninh, sử dụng tiện lợi.	2016	
4	Xây dựng Hệ thống hội nghị truyền hình giao ban trực tuyến của Bộ Y tế.	Thiết lập hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tại hội trường chính và phòng họp của Bộ trưởng.	2016	
5	Xây dựng hệ thống số hoá, quản lý tài liệu lưu trữ từ năm 2014 trở về trước.	Đảm bảo lưu trữ tài liệu tra cứu văn bản nhanh chóng, chính xác phục vụ công tác quản lý điều hành của Bộ Y tế.	2016-2017	
6	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý đào tạo liên tục cán bộ ngành y tế.	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý và tạo lập CSDL quốc gia về đào tạo liên tục cán bộ y tế phục vụ công tác quản lý, theo dõi đánh giá và xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, quản lý cho cán bộ y tế trong toàn ngành.	2016-2017	
7	Hệ thống thông tin quản lý nhà nước về công tác thanh tra, xử lý giải quyết đơn thư và tiếp công dân.	Đáp ứng nhanh chóng công tác xử lý giải quyết đơn thư, tiếp công dân. Giám sát công tác xử lý sau thanh tra.	2016	
8	Hệ thống thông tin về văn bản pháp luật và các hoạt động liên quan đến hệ thống hoá văn bản pháp luật y tế.	Đáp ứng nhu cầu quản lý, tra cứu, rà soát văn bản QPPL của Ngành y tế phục vụ công tác xây dựng văn bản pháp luật y tế của Bộ.	2016	
9	Nâng cấp Hệ thống	Phục vụ công tác đối ngoại của Bộ Y	2016	

	thông tin quản lý dữ liệu hoạt động các đối tác phát triển và tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực y tế.			
10	Nâng cấp hệ thống thông tin quản lý cán bộ đảng viên.	Đáp ứng yêu cầu quản lý thông tin hồ sơ cán bộ, đảng viên phục vụ công tác cán bộ của Đảng bộ Bộ Y tế.	2016	
III	Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp			
1	Xây dựng hệ thống dịch vụ công trực tuyến một cửa của Bộ Y tế.	- Phân đấu 100% dịch vụ công của Bộ Y tế được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3, trong đó 10% được cung cấp ở mức độ 4. - Xây dựng Cổng dịch vụ công trực tuyến một cửa của Bộ Y tế.	2016	
2	Hệ thống Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.	Xây dựng hệ thống và hướng dẫn thực hiện qua mạng điện tử trên toàn quốc đối với việc cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.	2016	Đang triển khai từ nguồn KP thuộc dự án ADB
3	Hệ thống Cấp phép hoạt động cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.	Xây dựng hệ thống dịch vụ công trực tuyến Cấp phép hoạt động cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.	2016	
IV	Các ứng dụng công nghệ thông tin chuyên ngành			
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động khám chữa bệnh phục vụ công tác giám định và thanh toán BHYT.	- Triển khai hệ thống phần mềm quản lý cơ sở y tế và kết nối, liên thông dữ liệu khám, chữa bệnh của tất cả các cơ sở y tế tại 4 tuyến với nhau, với Bộ Y tế và cơ quan BHXH thông qua Cổng thông tin tích hợp y tế trên toàn quốc. - Triển khai Hệ thống quản lý thông tin khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm tập trung. - Cập nhật, nâng cấp, chuẩn hóa các chuẩn đầu ra dữ liệu và bộ mã danh mục dùng chung ngành y tế. Lưu ý: Mọi đầu tư về hạ tầng, ứng	2016-2018	Triển khai Nghị quyết số 68/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc Hội. <i>Kinh phí được xác định trên cơ sở nhiệm vụ, dự án cụ thể.</i>

		dụng, đường truyền cho các cơ sở KCB trước mắt lấy từ quỹ dự phòng của BHXHVN để chi trả.		
2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, tư vấn khám, chữa bệnh từ xa tại các bệnh viện hạt nhân trực thuộc Bộ.	Xây dựng, triển khai dự án CNTT Telemedicine cho các bệnh viện hạt nhân gồm: 07 Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế và 06 Bệnh viện trực thuộc Sở Y tế TP. Hồ Chí Minh và TP. Hà Nội	2016	QĐ số 774/QĐ-BYT ngày 11/3/2013 phê duyệt Đề án bệnh viện vệ tinh giai đoạn 2013-2020.
3	Ứng dụng công nghệ thông tin trong đề án xây dựng và phát triển mô hình phòng khám bác sĩ gia đình tại Việt Nam giai đoạn 2013 - 2020.	Khảo sát, đề xuất phương án xây dựng hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động phòng khám bác sĩ gia đình: + Hệ thống CNTT quản lý các thông tin về sức khỏe của cá nhân, gia đình và cộng đồng, quản lý phòng khám, nhân viên y tế, có khả năng tích hợp các máy thăm dò chức năng, xét nghiệm cơ bản; + Bệnh án điện tử y học gia đình.	2016 - 2020	QĐ số 935/QĐ-BYT ngày 22/3/2013 phê duyệt Đề án XD và phát triển mô hình phòng khám bác sĩ gia đình tại Việt Nam giai đoạn 2013-2020.
4	Lập báo cáo nghiên cứu khả thi và triển khai hệ thống thông tin Quản lý tiêm chủng, bệnh truyền nhiễm và bệnh không lây nhiễm tại 3 tỉnh.	Xây dựng hệ thống thông tin Quản lý tiêm chủng đến từng người dân. Nâng cao hiệu quả chăm sóc sức khỏe toàn dân thông qua việc quản lý, theo dõi, lưu trữ thông tin tiêm chủng của toàn dân, đặc biệt là bà mẹ, trẻ em một cách đầy đủ, nhanh chóng, kịp thời. Tổng hợp đầy đủ thông tin trên tất cả các tuyến về tiêm chủng, quản lý vắc xin, bệnh truyền nhiễm và bệnh không lây nhiễm làm cơ sở cho việc ra quyết định của Bộ Y tế trong công tác phòng chống, kiểm soát dịch bệnh.	2016 - 2017	
5	Ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển y tế biển, đảo Việt Nam.	- Tiếp tục bám sát, đánh giá hiệu quả dự án CNTT Telemedicine của Viện Y học Biển đã phê duyệt. - Khảo sát, đề xuất phương án xây dựng thêm 01 dự án CNTT	2016 - 2020	QĐ 317/QĐ-TTg của Thủ tướng ngày 7/2/2013.

		Telemedicine của Đề án giai đoạn 2016-2020 thuộc Bộ Y tế.		
6	Lập dự án xây dựng hệ thống thông tin quản lý an toàn thực phẩm.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý về an toàn thực phẩm đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản lý, giám sát, đánh giá và kiểm tra một cách kịp thời và nhanh chóng.	2016	
7	Lập dự án xây dựng hệ thống thông tin quản lý môi trường y tế.	Phục vụ việc thu thập, báo cáo thống kê số liệu về chất lượng môi trường y tế trên toàn quốc. Tổng hợp đầy đủ thông tin, số liệu trên tất cả các tuyến về: chất thải, nước uống sinh hoạt, không khí... về Bộ Y tế.	2016	
8	Lập dự án xây dựng hệ thống thông tin quản lý khoa học công nghệ của ngành Y tế.	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý KHCN, tạo lập CSDL về đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp bộ, cấp cơ sở và CSDL chuyên gia ngành y tế, nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành, năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu cơ quan quản lý, tổ chức và cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học.	2016	
9	Lập dự án xây dựng hệ thống thông tin quản lý Sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ và trẻ em.	Nhằm phục vụ việc thu thập, báo cáo thống kê số liệu về lĩnh vực sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ và trẻ em nhanh chóng, kịp thời, chính xác. Tổng hợp đầy đủ các thông tin, số liệu các tuyến về: sức khỏe phụ nữ mang thai, phụ nữ đẻ, trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, SKSS vị thành niên, SKSS tuổi sinh đẻ của phụ nữ, SKSS nam giới, SKSS người cao tuổi,...	2016	
10	Lập dự án xây dựng hệ thống thông tin phòng chống HIV/AIDS	Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phòng chống HIV/AIDS đảm bảo đáp ứng thông tin nhanh chóng, kịp thời theo yêu cầu quản lý, giám sát và điều trị HIV/AIDS.	2016	
11	Hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành Dân số - KHHGĐ (MIS).	- Duy trì hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành DS-KHHGĐ (MIS) từ trung ương đến địa phương. - Nâng cấp hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành DS-KHHGĐ 3 cấp	2016	

		Huyện – Tỉnh – Trung ương - Phát triển phần mềm cấp xã, triển khai thí điểm tại 03 tỉnh - Duy trì, nâng cấp bản đồ điện tử về dân số.		
12	Hệ thống thông tin quản lý hậu cần các phương tiện tránh thai (LMIS).	- Duy trì, nâng cấp và phát triển hệ thống quản lý hậu cần các phương tiện tránh thai cấp Tỉnh – Trung ương. - Phát triển phần mềm mở rộng xuống tuyến huyện, đồng bộ dữ liệu 3 cấp.	2016	
V	Đảm bảo an toàn thông tin			
1	Xây dựng hệ thống giám sát an ninh mạng trong Bộ Y tế.	Cảnh báo về nguy cơ an toàn, an ninh thông tin trong Bộ Y tế.	2016-2017	
2	Xây dựng hệ thống đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống thông tin ngành y tế.	Phục vụ cho các hệ thống thông tin lưu trữ tại Bộ Y tế.	2016	
VI	Các nhiệm vụ, dự án khác			
1	Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế.	Phát triển, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin tại các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế.	2016	